

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 11

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 54/2026/DS-ST

Ngày: 18/06/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Trực;

2. Ông Thông Minh Tấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Viết Diệu Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/TB-TLVA-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐST-DS ngày 30/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Bà **Vũ Thị Tuyết L** - sinh năm: 1958

Địa chỉ: **tổ D, thôn M, xã H, tỉnh Lâm Đồng.**

Bị đơn: - Ông **Lê Văn Đ** – sinh năm: 1968

Địa chỉ: **tổ G, thôn M, xã H, tỉnh Lâm Đồng.**

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Vũ Thị Tuyết L** trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với ông **Lê Văn Đ**. Ngày 20/8/2024, bà có cho ông **Lê Văn Đ** vay tiền cụ thể như sau. Số tiền vay: 55.000.000 đồng; thời hạn vay 03 tháng từ ngày 20/8/2024 đến ngày 20/11/2024. Lãi suất hai bên thỏa thuận. Khi vay hai bên có lập giấy mượn tiền cho vay tiền ngày 20/8/2024, toàn bộ nội dung trong

giấy mượn tiền ngày 20/8/2024 là do ông **Lê Văn Đ** ghi và ký tên. Từ ngày 20/8/2024 đến nay ông **Lê Văn Đ** có trả được cho bà số tiền 8.500.000 đồng tiền lãi. Còn số tiền gốc thì vẫn chưa trả bất cứ số tiền nào.

Bà yêu cầu Tòa án buộc ông **Lê Văn Đ** phải trả cho bà số tiền gốc đã vay theo hợp đồng vay tiền ngày 20/8/2024 là 55.000.000 đồng.

Đối với phần yêu cầu về lãi suất tại phiên tòa hôm nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu về lãi suất. Chỉ buộc ông **Đ** trả tiền gốc cho bà **L** với số tiền là 55.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông **Lê Văn Đ** vắng mặt:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa của người tham gia tố tụng kể từ thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông **Lê Văn Đ** trả cho bà **Vũ Thị Tuyết L** số tiền gốc đã mượn là 55.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 11, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo trình tự không bị khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Bà **Vũ Thị Tuyết L** nộp đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng giải quyết tranh hợp đồng vay tài sản với ông **Lê Văn Đ** có địa chỉ tại **xã H, tỉnh Lâm Đồng**. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng đã thụ lý và đưa ra

giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật dân sự.

[3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn ông **Lê Văn Đ** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **Lê Văn Đ** là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu trả tiền: Xét yêu cầu của bà **Vũ Thị Tuyết L** yêu cầu ông **Lê Văn Đ** trả cho bà **Vũ Thị Tuyết L** số tiền đã vay là 55.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 20/8/2024. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà **Vũ Thị Tuyết L** có nộp cho Toà án 01 giấy nhận tiền ngày 20/8/2024, có nội dung “Tôi tên: **Lê Văn Đ**; thôn M, xã H, HTN, BT. Tôi có nhận số tiền chi **L**. 2 lần số tiền là 55.000.000 đồng. Năm mươi lăm triệu đồng. ngày 20/8/2024. Người nhận tiền ký tên ghi “**Lê Văn Đ**”. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập bị đơn **Lê Văn Đ** tuy nhiên ông **Đ** không đồng ý lên Toà. Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà cho ông **Đ** theo đúng quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2026, của Toà án thể hiện bà **Lê Thị Diễm M** là con ruột của ông **Lê Văn Đ**. Theo bà **M** ông **Đ** có biết việc bà **L** khởi kiện ông **Đ** (do bà **M** đã trực tiếp nhận các thông báo của Toà và đã gửi lại cho ông **Đ** được biết). Hiện ông **Đ** đang làm thuê ở **S**, có mấy lần ông về thăm nhà bà **M** có nói ông **Đ** lên Toà để giải quyết vụ án nhưng ông **Đ** không đồng ý. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông **Lê Văn Đ** đúng quy định pháp luật nhưng ông **Lê Văn Đ** không đồng ý lên Toà cũng như không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ khoản 4 Điều 91 BLTTDS năm 2015 xem như ông **Lê Văn Đ** từ bỏ quyền đưa ra ý kiến, chứng minh cho nên Tòa án sẽ giải quyết dựa trên những chứng cứ hiện có trong vụ án.

Về yêu cầu tiền lãi suất: Bà **Vũ Thị Tuyết L** tại phiên toà rút yêu cầu đối với phần lãi suất. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự không bị ai ép buộc, không trái quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về lãi suất.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, do yêu cầu của bà **Vũ Thị Tuyết L** được chấp nhận nên bà **L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Ông **Lê Văn Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu trả tiền: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Vũ Thị Tuyết L.** Buộc ông **Lê Văn Đ** phải trả cho bà **Vũ Thị Tuyết L** số tiền gốc 55.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 20/8/2024.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần lãi suất.

3. Về án phí:

Ông **Lê Văn Đ** phải chịu 2.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/6/2026). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền ghi trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND KV11 ;
- Phòng THADS KV11;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn T

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn T

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND KV11 ;
- Phòng THADS KV11;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn T

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn T

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THA dân sự huyện Hàm Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành

